

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Phục vụ Đoàn kiểm tra liên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Thực hiện Công văn số 3781/LĐTBXH-BVCSTE ngày 03/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc kiểm tra tình hình thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2013; Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của tỉnh như sau:

I. Đặc điểm tình hình có tác động đến trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của địa phương

Bình Định là tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có tổng diện tích tự nhiên 6.050 km², dân số khoảng 1,6 triệu người. Có gần 395.746 trẻ em dưới 16 tuổi, chiếm 25% dân số, trong đó có 122.352 trẻ em dưới 6 tuổi (chiếm xấp xỉ 8 % dân số). Phần lớn trẻ em của tỉnh sống chủ yếu ở vùng nông thôn (75,4%), số ít còn lại sống ở thành thị (24,6%).

Hiện toàn tỉnh có trên 22.500 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (HCĐB), chiếm khoảng 5,7% trong tổng số trẻ em (trong đó có 5.419 trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ bị bỏ rơi và trên 4.570 trẻ bị khuyết tật cần được trợ giúp). Trẻ em có HCĐB sinh sống đều khắp ở các địa phương trong tỉnh; đặc biệt những xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, các xã nghèo, vùng khó khăn thường xảy ra thiên tai lũ lụt có tỷ lệ trẻ em có HCĐB cao hơn các xã vùng nông thôn, thành thị. Số trẻ em này hầu hết sống trong các hộ gia đình nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn nên bỏ học sớm do đó trình độ học vấn thấp, sức khoẻ kém, các em rất cần sự quan tâm chăm sóc của các ngành, các cấp để cuộc sống của các em được cải thiện tốt hơn.

Toàn tỉnh có 11 huyện, thị xã, thành phố (trong đó có 3 huyện miền núi, 2 huyện trung du, 4 huyện đồng bằng, 01 thị xã và 01 thành phố); có 159 xã, phường, thị trấn (53 xã thuộc vùng dân tộc và miền núi gồm: 13 xã khu vực một, 14 xã khu vực hai, 26 xã khu vực 3 với 188 thôn đặc biệt khó khăn; có 18 xã bãi ngang, ven biển và hải đảo).

Trong những năm qua, cùng với thành tựu chung của đất nước, nền kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định ngày càng phát triển; nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt trên 9%; các công trình hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội luôn được đầu tư phát triển về số lượng và chất lượng. Lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội được nâng cao; công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, tỷ lệ trẻ em đi học có xu hướng tăng cao ở tất cả các cấp học;

công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ngày càng được mở rộng và có nhiều tiến bộ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ngày càng được quan tâm chăm sóc nhiều hơn, từ đó cuộc sống của trẻ em trong tỉnh đã được cải thiện một bước đáng kể trên nhiều lĩnh vực, các em ngày càng được hưởng đầy đủ các quyền cơ bản của mình.

II. Tình hình thực hiện các Chương trình bảo vệ, chăm sóc trẻ em

1. Chương trình bảo vệ trẻ em

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 267/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 về việc ban hành Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 với tổng kinh phí thực hiện Chương trình là 36,76 tỷ đồng, trong đó nguồn Trung ương hỗ trợ là 15,5 tỷ đồng, nguồn ngân sách tỉnh là 17,4 tỷ đồng, còn lại là nguồn vận động 3,75 tỷ đồng.

Từ đó đến nay, có 9/11 huyện, thị xã, thành phố ban hành Chương trình bảo vệ trẻ em cấp huyện và thành lập Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện. Có 60 xã trọng điểm được chọn để thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em. Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện cả 4 dự án của Chương trình, bảo vệ trẻ em cả 3 cấp độ: Phòng ngừa, can thiệp và trợ giúp. (Dự án 1: truyền thông, giáo dục, vận động xã hội, dự án 2: Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCS trẻ em, dự án 3: Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, dự án 4: Xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có HCĐB dựa vào cộng đồng).

Trong năm 2013, đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng như Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố và hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn. Tổ chức biên soạn, in ấn và cấp phát 10.000 tờ rơi tuyên truyền tại các trường tiểu học và trung học cơ sở. Lập hồ sơ can thiệp, trợ giúp cho những trẻ em bị xâm hại, bạo lực giúp các em và gia đình sớm ổn định cuộc sống (các trường hợp ở Hoài Ân, Hoài Nhơn, Tuy Phước...). Tổ chức khám phân loại và sàng lọc đối với trẻ em khuyết tật đang tập luyện tại Trung tâm phục hồi chức năng các huyện. Phối hợp với Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cộng tác viên của Trung tâm để đẩy mạnh hoạt động của mô hình PHCN cho trẻ khuyết tật. Tổ chức xây dựng được 33 điểm tư vấn, tuyên truyền phòng ngừa, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng và 22 Diễn đàn về quyền trẻ em tại trường học của các huyện, thị xã, thành phố.

2. Chương trình hành động vì trẻ em

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 54/2011-QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020. Trong đó UBND tỉnh đã giao trách nhiệm cụ thể cho 19 cơ quan

2 *gh*

sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và UBND 11 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

Trong năm 2012, UBND tỉnh cũng đã trình Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 27/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 về Đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên thôn, làng, khu phố làm công tác BVCS trẻ em ở tỉnh Bình Định. Sau đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 52/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 phê duyệt Đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên thôn, làng, khu phố làm công tác BVCS trẻ em ở tỉnh Bình Định. Kết quả hiện nay 100% số thôn, làng, khu phố trong tỉnh đã có từ một đến hai cộng tác viên làm công tác BVCS trẻ em do đội ngũ nhân viên y tế thôn đảm nhận thêm nhiệm vụ với mức thù lao bằng 0,1 mức lương cơ bản hiện hành/tháng. Tổng số cộng tác viên trong toàn tỉnh hiện nay là 1.554 người. Toàn bộ số cộng tác viên đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ công tác BVCS trẻ em với những nội dung cơ bản như: hướng dẫn thu thập số liệu và lập báo cáo về công tác BVCS trẻ em, quy trình can thiệp, trợ giúp cho trẻ em có HCDB nói chung và trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, kỹ năng làm việc với trẻ em, kỹ năng tham vấn trẻ em...

3. Chương trình xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 37/2010/QĐ-TTg UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 02/7/2010 về phê duyệt Kế hoạch xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em. Theo đó, mục tiêu phấn đấu đến cuối năm 2011 có 60% xã, phường được công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em. Ngày 18/06/2012, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 297/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em giai đoạn 2012-2015, với mục tiêu phấn đấu đến cuối năm 2015 toàn tỉnh có 80% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

Để thực hiện công tác thi đua khen thưởng phù hợp với tình hình địa phương, ngày 27/2/2013 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 489/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định đối tượng tiêu chuẩn xét khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em (trong đó nêu rõ: xã phường liên tục 02 năm đến năm đề nghị được công nhận là xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em thì mới được xét tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh).

Kết quả thực hiện: Năm 2010 có 41/159 xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em, đạt tỷ lệ 26%. Năm 2011, có 96/159 xã, phường được công nhận là xã, phường phù hợp với trẻ em, đạt tỷ lệ 60%. Năm 2012 có 117/159 xã, phường được công nhận là xã, phường phù hợp với trẻ em, đạt 74%, tăng 14% so với năm 2011. Kế hoạch năm 2013, tỷ lệ xã phường đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em sẽ là 78%, tăng 4% so với năm 2012. Dự kiến số xã, phường đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em là 124/159 xã phường.

4/12

4. Chương trình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

- Thực hiện Quyết định số 84/2009/QĐ-TTg ngày 04/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS của tỉnh trong những năm qua rất quan tâm đến công tác dự phòng lây nhiễm HIV cho trẻ em, chăm sóc và điều trị cho trẻ em nhiễm HIV.

Tỉnh đã triển khai chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống tận đến cơ sở. Hàng năm triển khai Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con (tháng 6) với nhiều hoạt động:

- + Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân đặc biệt là phụ nữ trong lứa tuổi sinh đẻ hiểu biết lợi ích và ý nghĩa của việc dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con để tự nguyện xét nghiệm HIV, phát hiện HIV trong khi mang thai để có biện pháp dự phòng cho con.

- + Tư vấn và xét nghiệm HIV cho bà mẹ mang thai. Trung bình hàng năm xét nghiệm HIV cho trên 12.000 bà mẹ mang thai.

- + Các bà mẹ mang thai nhiễm HIV được tư vấn và được điều trị thuốc kháng vi rút HIV, đã tư vấn và điều trị thuốc ARV cho 11/11 bà mẹ mang thai nhiễm HIV

- + Các trẻ sinh ra từ bà mẹ mang thai nhiễm HIV cũng được uống thuốc dự phòng lây nhiễm HIV và được hỗ trợ uống sữa ngoài trong 6 tháng đầu để dự phòng lây HIV do bú mẹ, đã có 9 trẻ được hỗ trợ uống sữa ngoài trong 6 tháng đầu sau khi được sinh ra từ bà mẹ mang thai bị nhiễm HIV.

- + Trẻ sinh ra được 6 tuần tuổi được xét nghiệm HIV sớm, kết quả 9/9 trẻ được xét nghiệm HIV đều có kết quả HIV âm tính.

Đối với trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, từ trước đến nay tỉnh đã phát hiện 18 trẻ dưới 16 tuổi bị nhiễm HIV, đã tử vong 9. Tất cả các trường hợp phát hiện đều được Chương trình phòng, chống HIV/AIDS quan tâm chăm sóc và điều trị. Hiện nay tỉnh đang quản lý, theo dõi và điều trị cho 4 trẻ có địa chỉ rõ ràng, 4/4 trẻ đang được điều trị thuốc kháng vi rút HIV.

5. Công tác phòng chống tai nạn thương tích trẻ em

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng của tỉnh Bình Định đến năm 2015, Quyết định số 2904/QĐ-CTUBND ngày 19/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phối hợp liên ngành phòng, chống đuối nước trẻ em tỉnh Bình Định giai đoạn 2013-2015. Căn cứ Quyết định đó, hàng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo cùng các ngành, đoàn thể của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, góp phần hạn chế tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích. Cụ thể năm 2013, đã tổ chức các lớp dạy bơi thí điểm cho trẻ em của hai huyện Tuy Phước, Hoài Nhơn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền

về phòng chống TNTT trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến huyện, xã; xây dựng các cụm pa nô tuyên truyền, cấp phát 6.000 tờ rơi, dựng biển báo ở các điểm nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn thương tích; tổ chức 15 điểm tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em thông qua các hình thức như hội thi, sinh hoạt hái hoa dân chủ tại các trường học, cấp phát 500 cặp phao cứu sinh cho trẻ em vùng lũ...

6. Về kinh phí thực hiện các chương trình BVCS trẻ em

Hàng năm, ngoài ngân sách Trung ương phân bổ, mặc dù địa phương còn nhiều khó khăn nhưng UBND tỉnh vẫn ưu tiên hỗ trợ kinh phí để thực hiện chương trình BVCS trẻ em của tỉnh, tăng dần qua các năm, cụ thể:

DVT: triệu đồng

TT	Nguồn	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1	Ngân sách Trung ương	200	600	1.100	
2	Ngân sách tỉnh	1.295	1.530	2.647	(1.134 triệu đồng chi phụ cấp 1.554 CTV)
3	Nguồn vận động	1.500	1.200	1.000	(Vận động Quỹ BTTE và chương trình, dự án)
	Tổng cộng	2.995	3.330	4.747	

III. Tình hình thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, hạn chế trẻ em bỏ học

1. Tình hình thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Thực hiện Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015, Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 với tổng kinh phí thực hiện Đề án là 270,525 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 1 (2011-2013) là 131,004 tỷ đồng; giai đoạn 2 (2014-2015) là 139,521 tỷ đồng. Theo lộ trình Đề án, thành phố Quy Nhơn sẽ đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2012, 04 huyện, thị xã đạt chuẩn vào năm 2013, 03 huyện đạt chuẩn vào năm 2014 và 03 huyện còn lại sẽ đạt chuẩn vào năm 2015, tỉnh Bình Định sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt tiêu chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi vào cuối năm 2015.

Xác định PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi là nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các lực lượng, tập trung chỉ đạo thực hiện 3 đồng bộ: đồng bộ xây dựng cơ sở vật chất, đồng bộ về chế độ chính sách cho

giáo viên và đồng bộ về chính sách hỗ trợ trẻ em đi học để đảm bảo phổ cập có chất lượng, đúng tiến độ.

Các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo kịp thời công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp trong nhân dân qua sóng phát thanh đến từng địa bàn thôn, xóm, cụm khu dân cư, rộng rãi đến từng hộ dân để nhân dân thấy được tầm quan trọng và trách nhiệm để tích cực tham gia vào công tác PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi.

Tập trung chỉ đạo, phê duyệt, giám sát các địa phương trong việc quy hoạch tinh gọn các điểm trường, lớp lẻ, theo hướng xây dựng trường chuẩn Quốc gia; ưu tiên xây dựng các xã xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh công tác xã hội hóa để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho mầm non.

Kết quả các tiêu chuẩn phổ cập đạt được: Giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ (98,63%); huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp 99,9%; trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (100%); tỷ lệ chuyên cần của trẻ (98,5%); bảo đảm có đủ phòng học kiên cố, bảo đảm diện tích xây dựng và các quy định khác về phòng học tại Điều lệ trường mầm non (85,49%); đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu; trẻ em trong độ tuổi được học 2 buổi/ngày trong một năm học (9 tháng) theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (62,26%); tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi 6,1%) và thấp còi (chiều cao theo tuổi 5,6%).

Hiện nay, có 01/11 huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập trẻ 5 tuổi năm 2012 và có 03 huyện sẽ tiến hành kiểm tra công nhận trong năm 2013. Toàn tỉnh có 115/159 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi (tỷ lệ 72,3%); đã công nhận 37 xã, phường đạt PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi năm 2012 (đạt 23,3%), năm 2013 sẽ tiếp tục công nhận 86 xã, phường (tỷ lệ 53,46%). Đến thời điểm hiện nay có 03 huyện đạt tiêu chuẩn phổ cập và đang tiến hành làm hồ sơ đề nghị kiểm tra công nhận: Hoài Ân, Hoài Nhơn, Vân Canh. Như vậy, theo lộ trình của Đề án năm 2013: An Nhơn, Tây Sơn chưa đạt phổ cập như đã đăng ký.

2. Tình hình phổ cập giáo dục tiểu học

Thực hiện Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngày 04/12/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kiểm tra, công nhận PCGDTH và PCGDTHĐĐT; Công văn số 1990/BC-BCĐ ngày 23/11/2010 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục phổ thông tỉnh Bình Định về báo cáo quá trình thực hiện mục tiêu PCGDTHĐĐT giai đoạn 2000-2010 và phương hướng nhiệm vụ công tác PCGDTHĐĐT giai đoạn 2011-2015, tính đến tháng 10/2012, toàn tỉnh có:

+ 159/159 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn PCGDTHĐĐT mức độ 1 trở lên (trong đó có 06 xã, thị trấn đạt mức độ 2), tỷ lệ 100% ;

+ 11/11 huyện, thành phố, thị xã đạt tiêu chuẩn PCGDTHĐĐT mức độ 1; đạt tỷ lệ 100%;

- + Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: $24324/24324 = 100\%$;
- + Tỷ lệ số trẻ 11 tuổi (sinh năm 2001) hoàn thành chương trình tiểu học: $23639/24991 = 94,6\%$;
- + Tỷ lệ học sinh rèn luyện lại trong hè: $1785/122.260 = 1.46\%$
- *Kết quả tiêu các tiêu chí từ năm 2011 đến năm 2013:
- Số lượng các đơn vị xã, huyện đạt chuẩn qua từng năm:

Năm	Xã (phường, thị trấn)			Huyện (t/xã, t/phố trực thuộc tỉnh)		
	Tổng	Đạt chuẩn PCGDTH	Đạt chuẩn PCGDTHĐĐT	Tổng	Đạt chuẩn PCGDTH	Đạt chuẩn PCGDTHĐĐT
2011	159	159	158	11	11	11
2012	159	159	159	11	11	11
2013	159	159	159	11	11	11

3. Tình hình học sinh bỏ học

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường phổ thông tổ chức nhiều hình thức phụ đạo, kèm cặp, giúp đỡ học sinh yếu kém vươn lên trung bình, đi sâu sát tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của từng học sinh, phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội để động viên giúp đỡ những học sinh có nguy cơ bỏ học tiếp tục học tập; nhờ vậy tỷ lệ học sinh bỏ học trong các năm học gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng học sinh bỏ học giảm. Cụ thể:

Cấp tiểu học			Cấp trung học cơ sở		
2010-2011	2011-2012	2012-2013	2010-2011	2011-2012	2012-2013
19/125.417	10/123.690	02/122.260	12.224/105.135	1.066/99.590	815/95.513
0,02 %	0,01 %	0,001 %	1,16 %	1,07%	0,85%

IV. Tình hình giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích

1. Về giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong trường mầm non

*Đối với học sinh khuyết tật:

- Việc can thiệp sớm ngay từ lứa tuổi mầm non là hết sức quan trọng để góp phần tạo điều kiện cho trẻ phục hồi, hòa nhập và phát triển. Việc đảm bảo cho trẻ khuyết tật học ở trường mầm non môi trường hòa nhập tốt nhất cho trẻ trước khi học tiểu học. Trong những năm qua, thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn quản lý

giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, giáo dục đối với các đối tượng hòa nhập, xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục và kỹ năng tư vấn phù hợp với cha mẹ trẻ trong việc phát hiện sớm trẻ khuyết tật, đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cha mẹ và cộng đồng.

- Tất cả trẻ em khuyết tật học hòa nhập đều có hồ sơ theo dõi riêng, giáo viên xây dựng kế hoạch và đề ra các biện pháp chăm sóc, giáo dục riêng đối với từng trẻ khuyết tật, hàng tháng theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của trẻ để làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch tiếp theo. Đối với trẻ khuyết tật nặng không thể hòa nhập, các trường có kế hoạch giúp đỡ gia đình thông qua việc tuyên truyền kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Năm học 2012-2013 toàn tỉnh có 1027/1276 trẻ khuyết tật học hòa nhập trong các trường mầm non, phổ thông tỷ lệ 80,481%. Có 76 trẻ khuyết tật được học trong trường chuyên biệt.

Tuy nhiên, công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn do số lượng cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật chưa nhiều nên chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ sở vật chất trường lớp còn thiếu và chưa phù hợp. Việc phát hiện sớm các khó khăn của học sinh khuyết tật để phát triển các hỗ trợ toàn diện cũng như hỗ trợ về giáo dục của nhiều cơ sở giáo dục hoạt động chưa hiệu quả do dịch vụ can thiệp sớm hầu như chưa có. Nhận thức của giáo viên, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường và đặc biệt là nhận thức của phụ huynh đối với việc phát hiện và can thiệp sớm đối với học sinh khuyết tật còn hạn chế.

*** Đối với học sinh dân tộc thiểu số:**

- Năm học 2013- 2014, toàn tỉnh có 6.708 học sinh dân tộc thiểu số.

- Cơ sở vật chất phòng học, nhà ở nội trú và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu nuôi dạy con em người dân tộc thiểu số của các huyện miền núi.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nội dung chuẩn bị tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số mẫu giáo 5 tuổi thuộc 4 huyện miền núi; chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện tốt việc dạy học tiếng Việt lớp 1 cho học sinh dân tộc thiểu số theo hướng điều chỉnh mới. Các phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường tổ chức dạy học tiếng Việt cho học sinh vào lớp 1 trước khai giảng 2 tuần và tổ chức dạy học thêm 1 buổi/tuần cho học sinh học yếu môn tiếng Việt. Tổ chức các hoạt động tạo môi trường giao lưu tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trong nhà trường bằng các hình thức như: Thi văn nghệ, thi kể chuyện, thi viết chữ đẹp, sinh hoạt tập thể, tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi ngôn ngữ, duy trì hoạt động đọc truyện, đọc báo thiếu niên nhi đồng...Đến nay không còn tình trạng học sinh không nói được tiếng Việt.

- Chất lượng dạy học trong các trường PTDTNT, PTDTBT đã được cải thiện. Phương pháp dạy học đã có nhiều đổi mới phù hợp với năng lực và tư duy của học sinh dân tộc. Các trường PTDTNT, PTDTBT đã có nhiều tiến bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Ngoài chế độ nhà nước cấp, các trường còn huy động nhân dân cùng đóng góp lương thực để tổ chức cho học sinh ăn, ở tại trường để nâng cao chất lượng nuôi dạy học sinh.

* Ngoài ra đối với học sinh thuộc diện chính sách, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố thực hiện đúng các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em thuộc đối tượng chính sách theo đúng các văn bản quy định về mức thu, quản lý học phí, sử dụng học phí của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, HĐND, UBND tỉnh.

2. Về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong trường học

Thực hiện Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013”; Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành qui định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN; Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 386/SGDDĐT-THMN ngày 21/3/2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn phòng tránh tai nạn thương tích cho học sinh tiểu học; Công văn số 567/SGDDĐT-THMN ngày 23/4/2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc triển khai chương trình hướng dẫn kiến thức phòng ngừa thảm họa cho học sinh tiểu học.... và các văn bản chỉ đạo về tháng hành động vì trẻ em hàng năm...

Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường mầm non thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích trong trường. Xây dựng kế hoạch trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích tại nhà trường. Kiện toàn, củng cố phòng y tế của nhà trường mua sắm trang thiết bị hoặc xây dựng tủ thuốc sơ cứu tại các điểm lớp lẻ sẵn sàng xử trí kịp thời với những tai nạn thương tích không may xảy ra trong nhà trường.

Các trường mầm non cải tạo môi trường học tập và sinh hoạt an toàn trong phòng, chống tai nạn thương tích như: Không để sân nhà bị ướt, nhất là nhà vệ sinh; các cửa ra vào đóng mở phải cài chốt; cắt tỉa, chặt bớt cành cây xanh trong sân trường trong mùa mưa bão; giáo dục lồng ghép cách phòng chống sấm sét trong trường mầm non. Khắc phục các nguy cơ thương tích trong trường học, tập trung ưu tiên phòng ngừa các loại thương tích thường gặp do ngã, hóc sặc, tai nạn giao thông, bỏng, điện giật, cháy nổ, ngộ độc thức ăn, vật sắc nhọn đâm cắt, xô đẩy nhau, đánh nhau. Tích hợp phòng chống tai nạn thương tích vào trong các hoạt động giáo dục trẻ.

Tổ chức các lớp tập huấn đưa nội dung phòng tránh tai nạn thương tích vào trong các môn học và các hoạt động giáo dục trong các trường phổ thông. Thực

hiện phương pháp lồng ghép, tích hợp một các nhẹ nhàng giúp học sinh trang bị những kỹ năng cần thiết để phòng tránh những tai nạn đáng tiếc xảy ra, đảm bảo sự an toàn cho học sinh khi đến trường.

Phòng Giáo dục và Đào tạo trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phòng chống tai nạn thương tích, trường học an toàn trong nhà trường và từng nhóm, lớp. Tổ chức truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích như thông qua các góc tuyên truyền ở lớp và trường. Phối hợp với trạm y tế trên địa bàn để vận động cha mẹ học sinh và học sinh tham gia tích cực tháng hành động vì trẻ em, tháng an toàn giao thông. Huy động các thành viên trong nhà trường tham gia các hoạt động can thiệp giảm thiểu nguy cơ tai nạn thương tích trong trường học.

Kết quả:

- 100% học sinh được đảm bảo an toàn tính mạng, không có tai nạn thương tích xảy ra trong trường.

- 100% CBGV - NV và học sinh trong trường được tuyên truyền phổ biến xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích một cách cụ thể có hiệu quả.

- Ban y tế làm công tác y tế trường học nắm vững kiến thức và nội dung về xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

- 100% CBGV - NV trong nhà trường được cung cấp những kiến thức về yếu tố, nguy cơ và cách phòng chống tai nạn thương tích, sơ cấp cứu thông thường nhằm đảm bảo xử lý ngay và kịp thời khi có tai nạn xảy ra.

- 100% các trường thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc, dịch bệnh trong nhà trường.

- 100% trẻ mầm non được cân đo, chắm biểu đồ để theo dõi sự phát triển của trẻ về cân nặng và chiều cao, khám sức khỏe định kỳ 1- 2 lần /năm.

V. Giáo dục thực hiện quyền trẻ em trong các cơ sở giáo dục

- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho trẻ em trong “Tháng hành động vì trẻ em” và trong mùa hè, đặc biệt là dịp Tết Thiếu nhi 1/6 hàng năm.

- Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em hàng năm ở các cơ sở giáo dục kết hợp với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho trẻ em, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, vận động xây dựng Quỹ bảo trợ trẻ em; triển khai các hoạt động tặng quà, trao học bổng cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số, trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; vận động đóng góp kinh phí hỗ trợ phẫu thuật, chỉnh hình cho trẻ em khuyết tật; vận động tổ chức, cá nhân đỡ đầu, giúp đỡ trẻ em khó khăn.

- Thực hiện các hoạt động ngoại khóa, tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tham gia, các hoạt động phòng chống tai nạn thương tích, nhất là phòng

chống đuối nước trẻ em trong dịp nghỉ hè.

- Thông qua các hoạt động ngoại khóa giáo dục cho trẻ em kỹ năng biết tự bảo vệ mình, tránh xa các nguy cơ bị lợi dụng về lao động, bị xâm hại, biết tự bảo vệ mình và có kiến thức, kỹ năng để thực hiện quyền tham gia, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội, bày tỏ ý kiến phù hợp với lứa tuổi.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu giữa trẻ em bình thường và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt để tăng cường sự tự tin, hỗ trợ các em hòa nhập cộng đồng.

- Vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân ủng hộ nguồn lực cho Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp hoặc ủng hộ để xây dựng các công trình phúc lợi, đặc biệt là xây dựng điểm vui chơi giải trí; hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học....

- Chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trên phạm vi trong toàn tỉnh.

- Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư, cải tạo nâng cấp các phòng học cho trẻ em trong dịp hè để chuẩn bị cho năm học mới. Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển giáo dục Mầm non.

VI. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2013

(Phụ lục kèm theo)

VII. Nhận xét, đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của tỉnh trong những năm qua được triển khai một cách toàn diện, thu hút được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến huyện, xã nên kết quả đạt được khá tốt. Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ngày càng giảm. Tỷ lệ trẻ em có HCDB được chăm sóc ngày càng cao. Số trẻ em lang thang, lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của tỉnh rất ít, hầu như không có. Tỷ lệ đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ cao. Công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em đạt kết quả tốt. Tỷ lệ tử vong trẻ em và tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em ngày càng thấp. Công tác giáo dục trẻ em ngày càng được quan tâm đầu tư. Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở các cơ sở giáo dục trong tỉnh đã chuyển hướng theo cách tiếp cận dựa trên nhu cầu và đáp ứng các quyền cơ bản; chăm sóc sức khỏe ngày càng được cải thiện, tăng cường các cơ hội và hoạt động dành cho trẻ em với nhiều hình thức. Đặc biệt, các em được cung cấp các kiến thức kỹ năng để tự bảo vệ mình nên nhận thức của trẻ em và người chưa thành niên đã từng bước được nâng cao. Các biện pháp đảm bảo cho trẻ em có cuộc sống an toàn, lành mạnh được các nhà trường triển khai tích cực đồng thời với các hoạt động trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...

g/v

2. Khó khăn, tồn tại

Ở một vài địa phương vùng sâu, vùng xa điều kiện kinh tế khó khăn, chính quyền chưa thực sự quan tâm cộng với trình độ dân trí thấp nên công tác BVCS và GD trẻ em còn nhiều hạn chế, có sự cách biệt giữa trẻ em các vùng trong tỉnh. Công tác kiểm tra các chính sách đối với trẻ em chưa toàn diện nên vài nơi vẫn có tình trạng vi phạm quyền trẻ em. Tình trạng trẻ em bỏ học vẫn còn. Các điểm vui chơi giải trí cho trẻ em nhất là ở vùng nông thôn còn thiếu nhiều. Mặc dù đã được quan tâm chú trọng nhưng tỷ lệ trẻ em bị tai nạn thương tích, nhất là đuối nước vẫn còn cao. Việc cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi vẫn còn trùng lắp...

3. Biện pháp khắc phục và đề xuất, kiến nghị

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác BVCS&GD trẻ em; đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, giáo dục; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em các cấp; tiếp tục xây dựng, củng cố mạng lưới đội ngũ cộng tác viên làm công tác BVCS trẻ em cấp thôn, làng, khu phố; xây dựng và thực hiện Đề án Trung tâm công tác xã hội dành cho trẻ em, tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có HCĐB.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của tỉnh. Đề nghị Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí cho các chương trình BVCS và GD trẻ em của tỉnh, nhất là các chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em (QĐ 267/QĐ-TTg), Chương trình hành động vì trẻ em (QĐ 1555/QĐ-TTg), Đề án phát triển giáo dục mầm non (QĐ 149/2006/QĐ-TTg)./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Nguyễn Thị Nghĩa (B/c);
- Thành viên Đoàn kiểm tra liên Bộ;
- Sở, ngành, đoàn thể liên quan;
- Lưu văn thư, K16;

W

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

~~PHÓ CHỦ TỊCH~~



Trần Thị Thu Hà



PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
VÌ TRẺ EM TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2011 – 2013

(Đơn vị tính: %, ‰)

	Các chỉ tiêu	2011	2012	Ước 2013
I	Dinh dưỡng, sức khỏe nước sạch và vệ sinh môi trường			
1.	Tỷ lệ tử vong sơ sinh	17‰	16,5‰	15‰
2.	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	24‰	23‰	22‰
3.	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	29‰	28‰	27‰
4.	Tỷ lệ SDD ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân)	18%	15,84%	15%
5.	Tỷ lệ SDD ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể thấp còi)	31%	30%	29%
6.	Tỷ lệ tử vong mẹ trên 100.000 trẻ sinh ra sống	49	27,1	27
7.	Tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận với nước hợp vệ sinh	87%	88%	90%
8.	Tỷ lệ người dân thành thị (thành phố, thị trấn) được tiếp cận với nước sạch	52%	60%	65%
9.	Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn sử dụng thiết bị vệ sinh	57%	59%	60%
10.	Tỷ lệ hộ gia đình ở thành thị sử dụng thiết bị vệ sinh	90%	91%	92%
II	Giáo dục			
11.	Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi mẫu giáo	100%	100%	100%
12.	Tỷ lệ đi mẫu giáo của trẻ em từ 3 đến dưới 5 tuổi	76%	81,1%	83,0%
13.	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi (không tính số TE khuyết tật)	100%	100%	100%
14.	Tỷ lệ trẻ em tốt nghiệp tiểu học	99,6	99,8	100%
15.	Tỷ lệ trẻ em tốt nghiệp phổ thông cơ sở	99,04	99,1	99,5
16.	Tăng tỷ lệ trẻ em khuyết tật được giáo dục hoà nhập	5%	6,5%	8%
17.	Tăng tỷ lệ trẻ em khuyết tật được giáo dục chuyên biệt	5%	5,5%	6%
III	Bảo vệ trẻ em			
18.	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc	76%	77%	78
19.	Tỷ lệ trẻ em có HCĐB so với tổng số trẻ em	6%	5,8%	5,5%

20.	Tỷ lệ người chưa thành niên vi phạm pháp luật trên 10.000 người chưa thành niên	8	7,5	7
21.	Tỷ lệ trẻ em phải lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trên 10.000 trẻ em	12	10	8
22.	Tỷ lệ trẻ em lang thang trên 10.000 trẻ em	9	8	7
23.	Đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 5 tuổi	90%	92%	94%
IV	Văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em			
24.	Tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em	60%	62%	65%
25.	Tỷ lệ số giờ truyền hình dành cho trẻ em trên số giờ phát sóng trong một năm	10%	12%	13%
26.	Tỷ lệ số giờ phát thanh dành cho trẻ em trên số giờ phát sóng trong một năm	10%	12%	13%
V	Sự tham gia của trẻ em và đầu tư cho trẻ em			
27.	Tỷ lệ huyện tổ chức Diễn đàn trẻ em hàng năm	30%	40%	45 %
28.	Xã phường đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em	60%	74%	78%
29.	Giảm tỷ lệ trẻ em bị tai nạn thương tích	4‰	4‰	3,8‰

gh